

Số: 66/2017/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2018 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 67/2008/QĐ-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 07 tháng 11 năm 2011 giữa Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLDTBXH-BVHTTDL ngày 12 tháng 9 năm 2012 giữa Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Xét Tờ trình số 385/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết Quy định một số chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2018 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Thông qua Quy định một số chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2018 - 2025, với các nội dung sau:

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về chế độ tiền công, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, trợ cấp, dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên; chính sách hỗ trợ tiền công đối với huấn luyện viên, vận động viên và các chính sách hỗ trợ khác đối với vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Vận động viên, huấn luyện viên thể thao thuộc đội tuyển, đội tuyển trẻ cấp tỉnh và các huấn luyện viên, vận động viên thể thao được Trung tâm Thể dục - Thể thao tỉnh Hà Tĩnh ký hợp đồng về tập trung tập luyện, tập huấn và thi đấu cho các đội tuyển thể thao cấp tỉnh của tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

Thời gian tính chi trả chế độ dinh dưỡng, tiền công và các chế độ khác cho vận động viên, huấn luyện viên tại Quy định này được tính theo quyết định triệu tập, hợp đồng của cấp có thẩm quyền.

Chương II **MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CỤ THỂ**

Điều 4. Chính sách mở rộng và phát triển nguồn nhân lực

1. Giai đoạn 2018 - 2020: Năm 2018, mở rộng và thành lập mới 02 bộ môn Kick Bocking và Bơi, đào tạo, huấn luyện thêm 10 vận động viên cho 02 bộ môn Kick Bocking và Bơi.

2. Giai đoạn 2021 - 2025: Tăng thêm 20 vận động viên cho các môn thể thao có thế mạnh của Hà Tĩnh tham dự các giải quốc gia, quốc tế đạt thành tích cao.

Điều 5. Chế độ tiền công, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, trợ cấp

Huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh Hà Tĩnh là người Việt Nam trong thời gian tập trung tập luyện, tập huấn và thi đấu được hưởng chế độ tiền công, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, trợ cấp theo quy định tại Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu.

Điều 6. Chế độ dinh dưỡng

Huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian tập trung tập luyện, tập huấn, thi đấu được hưởng chế độ dinh dưỡng (mức ăn hàng ngày), tính bằng tiền Việt Nam theo quy định tại Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 07/11/2011 giữa Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL) với mức quy định cụ thể sau:

1. Trong thời gian tập trung tập luyện ở trong nước:

- a) Vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày.
- b) Vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển trẻ: 120.000 đồng/người/ngày.

2. Trong thời gian thi đấu các giải:

- a) Vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày.
- b) Vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển trẻ: 150.000 đồng/người/ngày.

3. Các đội thể thao khuyết tật khi được cấp có thẩm quyền triệu tập tập luyện tập, tập huấn và thi đấu được áp dụng mức quy định đối với đội tuyển tỉnh.

4. Thời gian áp dụng chế độ dinh dưỡng quy định tại các khoản 1,2,3 Điều này đối với huấn luyện viên, vận động viên được tập trung tập luyện, tập huấn, thi đấu trong nước, thực hiện theo quyết định triệu tập cơ quan có thẩm quyền.

Điều 7. Chế độ hỗ trợ khác đối với huấn luyện viên, vận động viên

1. Đối với vận động viên và huấn luyện viên môn bóng chuyền được thi đấu ở giải đội mạnh toàn quốc ngoài chế độ tiền công được hưởng theo Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ và không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, còn được hỗ trợ thêm tiền công như sau:

a) Đối với vận động viên:

- Mức cầu thủ đội hình chính: 10.000.000 đồng/người/tháng.
- Mức cầu thủ đội hình dự bị: 7.000.000 đồng/người/tháng.
- Mức cầu thủ đội tuyển trẻ: 4.000.000 đồng/người/tháng.

b) Đối với Huấn luyện viên:

- Huấn luyện viên được hợp đồng làm huấn luyện viên trưởng đội tuyển được hưởng mức: 21.000.000 đồng/người/tháng.
- Huấn luyện viên được hợp đồng làm huấn luyện viên phó đội tuyển được hưởng: 15.000.000 đồng/người/tháng.

2. Đối với vận động viên và huấn luyện viên môn bóng chuyền thi đấu ở giải hạng A toàn quốc, ngoài chế độ tiền công được hưởng theo Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ và không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, còn được hỗ trợ thêm tiền công như sau:

a) Đối với vận động viên:

- Mức cầu thủ đội hình chính: 8.000.000 đồng/người/tháng.
- Mức cầu thủ đội hình dự bị: 5.000.000 đồng/người/tháng.
- Mức cầu thủ đội tuyển trẻ: 4.000.000 đồng/người/tháng.

b) Đối với huấn luyện viên:

- Huấn luyện viên được hợp đồng làm huấn luyện viên trưởng đội tuyển được hưởng mức: 15.000.000 đồng/người/tháng.

- Huấn luyện viên được hợp đồng làm huấn luyện viên phó đội tuyển được hưởng: 12.000.000 đồng/người/tháng.

3. Đối với vận động viên thuộc địa phương quản lý nếu đạt cấp kiện tướng và đạt đẳng cấp I, ngoài được hưởng chế độ dinh dưỡng theo quy định tại Điều 6 còn được hưởng thêm chế độ dinh dưỡng bằng tiền trong thời gian tập trung tập luyện và thời gian tập trung thi đấu, theo mức 15.000/đồng/người/ngày đối với vận động viên đạt cấp kiện tướng; 10.000 đồng/người/ngày đối với vận động viên đạt đẳng cấp I trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày có quyết định công nhận.

Điều 8. Chế độ khen thưởng

1. Thưởng cho vận động viên đạt giải tại các giải vô địch thể giới và Đại hội Olympic:

a) Huy chương Vàng: 50.000.000 đồng.

b) Huy chương Bạc: 30.000.000 đồng.

c) Huy chương Đồng: 20.000.000 đồng.

2. Thưởng cho vận động viên đạt giải vô địch Châu Á (Đại hội Thể thao Châu Á - ASIAD, Đại hội thể thao trong nhà Châu Á - INDOOR GAMES), vô địch Đông Nam Á, Đại hội thể thao Đông Nam Á:

a) Huy chương Vàng: 20.000.000 đồng.

b) Huy chương Bạc: 15.000.000 đồng.

c) Huy chương Đồng: 10.000.000 đồng.

3. Thưởng cho vận động viên đạt giải các giải quốc tế trong khu vực Đông Nam Á:

a) Huy chương Vàng: 15.000.000 đồng.

b) Huy chương Bạc: 10.000.000 đồng.

c) Huy chương Đồng: 7.000.000 đồng.

4. Thưởng cho vận động viên đạt giải tại các cuộc thi đấu vô địch quốc gia và Đại hội thể dục, thể thao toàn quốc:

a) Huy chương Vàng: 15.000.000 đồng.

b) Huy chương Bạc: 10.000.000 đồng.

c) Huy chương Đồng: 7.000.000 đồng.

5. Thưởng cho vận động viên đạt giải tại các giải vô địch trẻ cấp quốc gia, Cúp quốc gia và khu vực quốc gia:

a) Huy chương Vàng: 7.000.000 đồng.

b) Huy chương Bạc: 5.000.000 đồng.

c) Huy chương Đồng: 3.000.000 đồng.

6. Thưởng đối với môn thể thao đồng đội:

Mức thưởng chung bằng số lượng người tham gia môn thể thao đồng đội nhân với 50% mức thưởng tương ứng cho 01 cá nhân quy định tại Khoản 1 đến Khoản 5 Điều này.

7. Thưởng cho vận động viên phá kỷ lục:

Ngoài chế độ được hưởng theo mức tương ứng quy định trên, vận động viên phá kỷ lục được thưởng thêm như sau:

- a) Phá kỷ lục Thế giới: 30.000.000 đồng.
- b) Phá kỷ lục Châu Á: 20.000.000 đồng.
- c) Phá kỷ lục Đông Nam Á: 15.000.000 đồng.
- d) Phá kỷ lục quốc gia: 8.000.000 đồng.
- đ) Phá kỷ lục tại các giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia: 5.000.000 đồng.

8. Thưởng cho huấn luyện viên:

a) Đối với cá nhân:

Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu thì mức thưởng được tính bằng mức thưởng vận động viên đó. Trường hợp một huấn luyện viên có hai vận động viên trở lên đạt thành tích trong cùng một giải đấu thì mức thưởng được tính bằng 100% mức thưởng của vận động viên có thành tích cao nhất cộng với 50% mức thưởng của vận động viên thứ 2 và 30% mức thưởng của các vận động viên thứ 3 trở lên.

b) Đối với đồng đội:

Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được thưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với 50% mức thưởng đối với 01 cá nhân vận động viên đạt giải tương ứng. Trường hợp các huấn luyện viên có vận động viên đạt huy chương cá nhân thì được tính mức tiền thưởng như quy định tại Điểm a, Khoản 8 Điều này.

9. Thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại các giải thể thao giành cho người khuyết tật:

Vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại các giải thể thao giành cho người khuyết tật Đông Nam Á, Châu Á, Thế giới và các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao cấp quốc gia mức thưởng bằng mức thưởng tương ứng theo quy định tại Khoản 1 đến Khoản 8 Điều này.

10. Thưởng cho Đội Bóng chuyên (toàn đội) đạt giải:

a) Giải vô địch quốc gia:

Huy chương Vàng: 300.000.000 đồng;

Huy chương Bạc: 200.000.000 đồng;

Huy chương Đồng: 150.000.000 đồng.

b) Giải Cúp quốc gia

Huy chương Vàng: 200.000.000 đồng;

Huy chương Bạc: 150.000.000 đồng;

Huy chương Đồng: 100.000.000 đồng.

c) Giải trẻ các lứa tuổi trong hệ thống thi đấu của Liên đoàn Bóng chuyên:

Huy chương Vàng: 150.000.000 đồng;

Huy chương Bạc: 100.000.000 đồng;

Huy chương Đồng: 70.000.000 đồng.

11. Thưởng cho đội bóng đá trẻ (toàn đội) đạt giải trẻ các lứa tuổi trong hệ thống thi đấu của Liên đoàn bóng đá Việt Nam:

a) Huy chương Vàng: 150.000.000 đồng.

b) Huy chương Bạc: 100.000.000 đồng.

c) Huy chương Đồng: 70.000.000 đồng.

Những đối tượng được hưởng chế độ khen thưởng tại Nghị quyết này thì không được hưởng chế độ khen thưởng khác của Ủy ban nhân dân tỉnh. Riêng chế độ khen thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng (bằng khen, giấy khen,...) vẫn được thực hiện theo quy định.

Riêng mức thưởng đối với Ban Giám đốc Trung tâm Thể dục - Thể thao, vận động viên đạt thành tích đặc biệt xuất sắc thì căn cứ tình hình thực tế, hàng năm Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hình thức khen thưởng và mức thưởng cụ thể.

Điều 9. Các chế độ chính sách khác

Trong trường hợp cần thiết hợp đồng với các huấn luyện viên có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm để huấn luyện và chỉ đạo thi đấu cho thể thao thành tích cao tỉnh nhà với mức chi cao hơn Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh trong dự toán ngân sách thể dục thể thao hàng năm và các nguồn xã hội hóa, huy động hợp pháp khác.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trong quá trình triển khai tổ chức, thực hiện Nghị quyết, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc Nghị quyết không còn phù hợp, các cơ quan có liên quan phản ánh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 12 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIV;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Thông tin VP HĐND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH, VP UBND tỉnh;
- Lưu VT.



Lê Đình Sơn